TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LƯƠNG TÀI** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/DS-ST
Ngày: 31/5/2019
"*V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG TÀI – TỈNH BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Vũ Văn Vừng

- Ông Nguyễn Xuân Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2019/TLST-DS, ngày 08/01/2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXXST-DS ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

1***. Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1956. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1969. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Đều cư trú: Thôn Tr, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đoàn Văn Th, sinh năm 1968. (Vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Tr, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà với bà Đỗ Thị H có quan hệ họ hàng với nhau, trong khoảng thời gian

từ tháng 2/2013 đến tháng 6/2013 (Âm lịch) bà có cho bà H vay với tổng số tiền là 206.000.000đồng và 05 chỉ vàng 9999, cụ thê những lần vay như sau:

- Ngày 12/02/2013 (AL) bà M cho bà H vay 60.000.000đồng (Sáu mươi triệu đồng chẵn), khi vay hai bên có viết giấy biên nhận cho nhau và không có thỏa thuận lãi suất vì bà H nói là chỉ vay vài ngày rồi trả. Khi bà H vay số tiền trên thì bà H có đưa cho bà M số tiền 3.500.000đồng, sau đó khoảng 10 ngày bà M đòi số nợ trên thì do bà H chưa có tiền trả nên lại đưa cho bà M số tiền là 3.500.000 đồng tổng cộng hai lần là 7.000.000đồng tiền lãi. Ngoài ra từ khoảng ngày 22/2/2013 cho đến nay bà H không trả được lần nào nữa.

- Ngày 22/02/2013 (AL) bà H lại đến hỏi bà M cho vay tiền để cho con đi lao động xuất khẩu nước ngoài nên bà M đã đồng ý cho bà H vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) và 05 chỉ vàng 9999. Đôi bên viết giấy biên nhận nợ và không thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay được tiền và vàng bà H đã đưa cho bà M 4.500.000đồng tiền lãi. Từ đó cho đến nay thì bà H không trả cho bà M được đồng nào nữa.

- Ngày 25/5/2013 (AL) bà H lại đến hỏi bà M cho vay tiền để chạy nốt giấy tờ cho con đi lao động xuất khẩu nước ngoài nên bà M đã cho cho bà H vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn). Đôi bên viết giấy biên nhận nợ và không thỏa thuận lãi suất. Sau khi vay được tiền bà H đã đưa cho bà M 3.000.000đồng tiền lãi. Từ đó cho đến nay thì bà H không trả cho bà M được đồng nào nữa.

- Ngày 20/6/2013 (AL) bà H lại đến hỏi bà M cho vay tiền để chạy nốt giấy tờ thủ tục cho con đi lao động xuất khẩu nước ngoài nên bà M đã đồng ý cho bà H vay 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng chẵn). Đôi bên viết giấy biên nhận nợ và không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay cho đến nay thì bà H không trả cho Mai được đồng nào.

- Ngày 24/6/2013 (AL) bà H lại đến hỏi vay tiền và hẹn đến hôm sau là chủ nhật sẽ trả nên bà M đã đồng ý cho bà H vay 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn). Đôi bên viết giấy biên nhận nợ và không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay cho đến nay thì bà H không trả cho bà M được đồng nào.

- Ngày 30/6/2013 (AL) bà H có đến vay tiền để trả cho anh Cao nên Bà M đã đồng ý cho bà H vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn). Đôi bên cũng viết giấy biên nhận nợ cho nhau và không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay cho đến nay thì bà H không trả cho bà M được đồng nào.

Theo bà M tính đến nay bà H đã trả cho bà M được tổng số tiền là 22.000.000 đồng tiền lãi, còn toàn bộ số tiền là 206.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999 nợ gốc không trả cho bà M đồng nào. Nay bà yêu cầu tôi đề nghị bà H và ông Thanh phải thanh toán trả bà M số tiền gốc là 206.000.000đồng và 5 chỉ vàng 9999 và khoản tiền lãi theo mức lãi suất ngân hàng đối với các khoản từ khi vay cho đến nay.

.Bị đơn là bà Đỗ Thị H trình bày:

Bà với bà Nguyễn Thị M có quan hệ họ hàng với nhau, trong khoảng thời gian từ tháng 2/2013 đến tháng 6/2013 (Âm lịch) bà có vay của bà Nguyễn Thị M 06 lần với tổng số tiền là 206.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999, khi vay chỉ một mình bà đến vay việc vay này bà sử dụng vào việc cá nhân mà chồng bà hoàn toàn không biết, cụ thể những lần vay như sau:

- Ngày 12/02/2013 (AL) bà H có vay bà M 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng chẵn), đôi bên viết giấy biên nhận và không có thỏa thuận lãi suất. Đối với khoản tiền này bà H đã trả cho bà M 6.000.000 đồng tiền lãi và trong giấy biên nhận vay nợ bà H có ghi đến ngày 22/2 bà sẽ trả lãi là 3.500.000 đồng và đến ngày 22/2/2013 bà H đã trả số tiền lãi 3.500.000 đồng cho bà M. Sau đó bà H cũng đã nhiều lần trả lãi đối với khoản tiền này cho bà M nhưng giữa hai bên không có giấy tờ gì.

- Ngày 22/02/2013 (AL) bà H có vay của bà M 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) và 05 chỉ vàng 9999, đôi bên viết giấy biên nhận nợ và không thỏa thuận lãi suất. Vay vàng của bà M xong, bà H đã bán đi đã trả cho bà M 2.000.000 đồng tiền lãi. Bà H đã nhiều lần trả lãi đối với khoản tiền và vàng này cho bà M nhưng giữa hai bên không có giấy tờ gì.

- Ngày 25/5/2013 (AL) bà H vay của bà M 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn), đôi bên cũng viết giấy biên nhận nợ và không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay cho đến nay bà H cũng đã nhiều lần trả lãi cho bà M nhưng không có giấy tờ gì.

- Ngày 21/6/2013 (AL) bà H có vay của bà M 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng chẵn), đôi bên viết giấy biên nhận nợ cho nhau và không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay cho đến nay bà H cũng đã nhiều lần trả lãi cho bà M nhưng không có giấy tờ gì.

- Ngày 24/6/2013 (AL) bà H có vay của bà M 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn). Đối với khoản tiền trên hai bên cũng viết giấy biên nhận nợ

cho nhau và không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay cho đến nay bà H cũng đã nhiều lần trả lãi cho bà M nhưng không có giấy tờ gì.

- Ngày 30/6/2013 (AL) bà H có vay của bà M 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn). Đối với khoản tiền trên hai bên cũng viết giấy biên nhận nợ cho nhau và không thỏa thuận lãi suất. Từ khi vay cho đến nay bà H cũng đã nhiều lần trả lãi cho bà M nhưng không có giấy tờ gì.

Toàn bộ các khoản vay trên khi bà H nhận tiền và vàng của bà M bà H đều cắt lãi cho bà M, nhưng có khoản thì viết vào giấy vay tiền, có khoản thì không viết gì vào giấy vay tiền.

Đối với số tiền gốc vay của bà M, bà H đã trả cho bà M nhiều lần, còn cụ thể ngày nào thì bà H không nhớ vì đã lâu rồi, khi trả gốc và lãi về sau này cho bà M thì hai bên không có giấy tờ gì và không có ai làm chứng.

Nay bà M khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà phải có trách nhiệm trả cho bà M toàn bộ nợ gốc là 206.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 9999 và khoản tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng nhà nước Việt Nam đối với các khoản từ khi vay cho đến nay. Quan điểm của bà H số lãi mà bà H đã trả cho bà M thừa với số gốc mà bà H đã vay của bà M nên bà H không đồng ý trả bà M số tiền và vàng trên theo yêu cầu của bà M.

. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn Th bày:

Ông không biết vợ ông là bà Đỗ Thị H vay tiền của bà Nguyễn Thị M về để làm gì, vay thời gian nào, Khoảng năm 2015 ông nghe người dân trong thôn bàn tán về việc bà M cho bà H vay tiền nên ông Thanh đã nhiều lần chủ động gặp bà M để hỏi nhưng lần nào bà M cũng đều nói không có tiền cho bà H vay. Sau đó ông Thanh về hỏi bà H thì bà H thừa nhận có vay tiền của bà M nhưng đã trả hết rồi và bà H cũng không nói cho ông biết bà H đã vay bao nhiêu tiền của bà M và vay tiền về để làm gì. Đến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Toà án ông mới biết bà H còn nợ bà M số tiền 206.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 9999. Ông Thanh cho rằng việc bà H vay tiền, vàng của bà M để sử dụng vào việc riêng của bà H chứ bà H không dùng vào việc chung của gia đình nên ông không có trách nhiệm trả nợ cùng bà H và ông đề nghị Toà án không đưa ông vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Tài tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng Toà án tiến hành thụ lý,

giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và thời hạn theo quy định của pháp luật. Việc ra các văn bản tố tụng, cũng như các thủ tục tố tụng tại phiên toà đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

Về nội dung: Áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Buộc bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị M tổng số tiền là 206.000.000 đồng và 05 chỉ vàng (Quy đổi ra tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Toà án và về đường lối giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà Đỗ Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Văn Th đều có hộ khẩu thường trú tại xã Trung Chính, huyện Lương Tài, tại phiên tòa hôm nay bà M vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị H và ông Đoàn Văn Th phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc là 206.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 9999, còn đối với khoản tiền lãi bà xin rút yêu cầu và không đề nghị bà H và ông Thanh phải trả bà khoản tiền lãi theo mức lãi suất ngân hàng đối với các khoản từ khi vay cho đến nay như trong đơn khởi kiện bà đã yêu cầu. Phía bà H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai tại Tòa án bà H trình bày bà không đồng ý trả bà M số tiền và vàng trên theo yêu cầu của bà M, ông Đoàn Văn Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ông Thanh trình bày việc bà H vay tiền, vàng của bà M để sử dụng vào việc riêng của bà H chứ bà H không dùng vào việc chung của gia đình nên ông không có trách nhiệm trả nợ cùng bà H và ông đề nghị Toà án không đưa ông vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Do vậy

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lương Tài theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Do có quan hệ là người trong họ với nhau nên từ tháng 2/2013đến tháng 6/2013 (Âm lịch) bà Nguyễn Thị M đã 06 lần cho bà Đỗ Thị H vay tiền và vàng với tổng số tiền là 206.000.000đồng và 05 chỉ vàng 9999 việc vay nợ trên bà M và bà H đều thống nhất cụ thể những ngày vay như sau:

- Ngày 12/02/2013 (AL) bà M có cho bà H vay 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng chẵn). Đối với khoản vay trên khi vay hai bên có viết giấy vay nợ và không thỏa thuận mức lãi suất, cũng như thời gian thanh toán. Khoản vay này tính đến ngày 22/2/2013 thì bà H đã trả cho bà M được 9.500.000 đồng tiền lãi.

- Ngày 22/02/2013 (AL) bà M có cho bà H vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn) và 05 chỉ vàng 9999. Đối với khoản vay trên khi vay hai bên có viết giấy vay nợ và không thỏa thuận mức lãi suất, cũng như thời gian thanh toán khoản vay tiền và vàng trên khi vay bà H đã trả cho bà M 4.500.000 đồng tiền lãi vào ngày 22/3.

- Ngày 25/5/2013 (AL) bà M có cho bà H vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng chẵn). Đối với khoản vay trên khi vay hai bên có viết giấy vay nợ và không thỏa thuận mức lãi suất, cũng như thời gian thanh toán. Khoản tiền này tính đến ngày 26/5/2013 thì bà H đã trả cho bà M được 3.000.000 đồng tiền lãi.

- Ngày 21/6/2013 (AL) bà M có cho bà H vay 21.000.000 đồng (Hai mươi mốt triệu đồng chẵn). Đối với khoản vay trên khi vay hai bên có viết giấy vay nợ và không thỏa thuận mức lãi suất, cũng như thời gian thanh toán.

- Ngày 24/6/2013 (AL) bà M có cho bà H vay 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng chẵn). Đối với khoản vay trên khi vay hai bên có viết giấy vay nợ và không thỏa thuận mức lãi suất, ngoài ra còn thỏa thuận cho đến chủ nhật sẽ thanh toán khoản nợ trên.

- Ngày 30/6/2013 (AL) bà M có cho bà H vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng chẵn). Đối với khoản vay trên khi vay hai bên có viết giấy vay nợ và không thỏa thuận mức lãi suất, cũng như thời gian thanh toán

Hết thời hạn thỏa thuận theo giấy vay nợ ngày 24/6/2013 (AL), cũng như khi có nhu cầu cần đến tiền để sử dụng vào việc gia đình bà M yêu cầu bà H trả số tiền gốc đã vay cho bà M nhưng bà H không trả và đã nhiều lần khất và hẹn

ngày trả nhưng vẫn không trả. Đối với khoản tiền lãi bà M và bà H đều đã xác định khi vay hai bên không có thỏa thuận gì về khoản tiền lãi suất mà những lần vay bà H đã tự nguyện trả cho bà M một khoản tiền gọi là tiền lãi cụ thể được thể hiện ở giấy vay tiền các ngày (12/2/2013; 22/2/2013 và ngày 25/5/2013) được tổng số tiền là 14.500.000đồng, ngoài ra bà M còn thừa nhận sau đó vào khoảng năm 2018 thì bà H lại trả bà M được số tiền lãi là 7.500.000đồng. Tổng cộng số tiền mà bà H trả được cho bà M là 22.000.000đồng tiền lãi, việc bà H cho rằng sau khi vay đã trả cho bà M rất nhiều lần và bà H cho rằng bà đã trả cho bà M thừa số tiền mà bà đã vay của bà M, nhưng bà H không nhớ rõ cụ thể vào ngày, tháng, năm, nào và khi trả các khoản về sau thì giữa bà H và bà M không viết giấy tờ gì cho nhau ngoài ra bà H không xuất trình được giấy tờ hay chứng cứ nào để thể hiện bà H đã trả được cho bà M như bà H đã trình bày tại biên bản ghi lời khai, mặt khác bà M chỉ thừa nhận bà H đã trả cho bà được 22.000.000đồng tiền lãi và bà M không thừa nhận việc bà H đã trả bà M một khoản tiền nào khác. Đối với khoản tiền lãi tại phiên tòa hôm nay phía bà M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà H và ông Thanh phải có trách nhiệm trả bà M khoản tiền lãi từ khi vay cho đến nay, mà bà M đề nghị bà H phải trả cho bà M toàn bộ số nợ gốc là 206.000.000đồng và 5 chỉ vàng 9999 là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Đối với việc bà M đề nghị ông Đoàn Văn Th là chồng bà H cũng phải có trách nhiệm cùng bà H phải trả bà M toàn bộ số nợ gốc là 206.000.000đồng và 5 chỉ vàng 9999 là không có căn cứ bởi nhẽ khi bà M cho bà H vay tiền và vàng thì ông Thanh hoàn toàn không biết, hơn nữa bà M còn nghe theo lời của bà H dấu không cho ông Thanh biết việc bà H có vay tiền của bà M điều đó chứng tỏ việc bà H vay tiền của bà M để sử dụng vào việc cá nhân của bà H chứ không sử dụng vào việc chung trong gia đình, tại phiên tòa hôm nay bà M cho rằng sau khi bà H không có khả năng thanh toán thì bà M mới nói cho ông Thanh là chồng bà H được biết về khoản tiền vay của bà H với bà và ông Thanh có hứa với bà M để ông Thanh cùng bà H thu xếp để trả, nhưng phía ông Thanh không thừa nhận có việc đó mà ông Thanh cho rằng khi được Tòa án thông báo thụ lý vụ án thì ông mới biết được khoản tiền và vàng mà vợ ông là bà H vay của bà M là 206.000.000đồng và 5 chỉ vàng 9999, hơn nữa tại phiên tòa hôm nay bà M không đưa ra được chứng cứ chứng minh về việc ông Thanh là chồng bà H được biết về khoản tiền vay của bà H với bà và ông Thanh có hứa với bà M để ông Thanh cùng bà H thu xếp để trả cho bà M nên không có đủ cơ sở để chấp đề nghị của bà M về việc buộc ông Đoàn Văn Th là chồng bà H cũng phải có trách

nhiệm cùng bà H phải trả bà M toàn bộ số nợ gốc là 206.000.000đồng và 5 chỉ vàng 9999. Chính vì vậy chỉ có đủ cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của bà M về việc buộc bà Đỗ Thị H phải trả bà Nguyễn Thị M số tiền gốc là 206.000.000đồng và 5 chỉ vàng 9999, quy đổi giá vàng ngày 31/5/2019 có giá trị là: 5 chỉ vàng 9999 x 3.690.000đồng/1chỉ = 18.450.000đồng. Như vậy cần buộc bà Đỗ Thị H phải có trách nhiệm trả bà Nguyễn Thị M toàn bộ số nợ gốc là 224.450.000đồng.

Về án phí: Cần buộc bà Đỗ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 235, 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; Điều 463, Điều 466, Khoản 2 Điều 468; Điều 469; Điều 470 của Bộ luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc bà Đỗ Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền gốc là 224.450.000 đồng (*Hai trăm hai mươi bốn triệu bốn trăm lăm mươi ngàn đồng chẵn*).

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị M về việc buộc ông Đoàn Văn Th cũng phải có trách nhiệm thanh toán cùng bà Đỗ Thị H cho bà Nguyễn Thị M đối với khoản nợ trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án, các bên không thỏa thuận lãi suất thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí: Bà Đỗ Thị H phải chịu 11.222.500 đồng án phí DSST.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 6.463.000đồng theo biên lai thu tiền số: 0001205 ngày 08/01/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện Lương Tài.

Án xử sơ thẩm đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Lương Tài;
- Chi cục THADS huyện Lương Tài;
- UBND Xã Trung Chính;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Văn Nam